

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 144/2024/HS-ST

Ngày: 26-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Văn Trung
- Ông Trần Đăng Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Trường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 136/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2024/HSST- QĐXX ngày 12 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Trịnh Văn P, sinh ngày 20/10/1982, tại thành phố P, tỉnh Hà Nam. Nơi cư trú: thôn B, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Trịnh Văn P1 và bà Trịnh Thị T (đều đã chết); vợ là: chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1984 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền sự: Không.

Tiền án: có 02 tiền án. Bản án số 55/2017/HS-ST ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/10/2018, chấp hành xong án phí ngày 22/9/2017. Bản án số 50/2019/HS-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/9/2022, chấp hành xong án phí và bồi thường dân sự ngày 25/5/2021.

Nhân thân: Ngày 15/10/2001 bị Ủy ban nhân dân tỉnh H quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường G, thời hạn 02 năm. Ngày 23/01/2014 bị Công an thành phố P, tỉnh Hà Nam xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”, mức phạt 1.500.000 đồng. Bản án số 122/2024/HS-ST ngày 08/8/2024 bị TAND

Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt 180.000.000 đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Bị bắt tạm giam từ ngày 14/7/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.

(Bị cáo có mặt tại phiên toà)

- Bị hại:

+ Bà Lưu Thị U, sinh năm 1961; Nơi cư trú: thôn L, K, huyện H, tỉnh Thái Bình (có mặt)

+ Chị Phạm Thị O, sinh năm 1973; Nơi cư trú: thôn H, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Cao Ngọc P2, sinh năm 1962; Nơi cư trú: thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam (có mặt)

+ Anh Trịnh Văn B, sinh năm 2005; Nơi cư trú: thôn B, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam (vắng mặt)

- Người làm chứng:

+ Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1963 (vắng mặt)

+ Anh Hà Văn H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn L, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ 07 giờ 30 phút đến 08 giờ 30 phút ngày 08/7/2024, trên địa bàn huyện H, tỉnh Thái Bình, Trịnh Văn P đã 02 lần trộm cắp tài sản. Cụ thể:

Lần 1: Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 08/7/2024, Trịnh Văn P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, biển số đăng ký 90AB-115.18 đi từ nhà đến huyện H, tỉnh Thái Bình, mục đích để trộm cắp tài sản. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, P đến nhà bà Lưu Thị U thì dừng xe quan sát thấy cửa khóa, không có ai ở nhà, do chưa có công cụ để thực hiện hành vi trộm cắp, P đến 01 cửa hàng sắt (không biết tên, địa chỉ ở đâu) mua 01 chiếc cửa sắt bằng kim loại, 01 chiếc đục và 01 chiếc búa bằng kim loại có cán bằng gỗ, cho vào một túi nilong màu xanh rồi quay lại nhà bà U. P để xe ở ngoài đường, trèo qua tường vào nhà bà U, dùng cửa cắt phá 02 song cửa gỗ chui vào bên trong nhà. Đến gian phòng ngủ nhìn thấy có két sắt, P dùng búa, đục mua trước đó và 01 con dao lấy từ bếp nhà bà U phá thủng mặt sau két sắt, cho tay vào móc bên trong két sắt lấy được 01 sợi dây chuyền vàng, trị giá 18.750.000 đồng, 01 đôi bông tai vàng, trị giá 7.500.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. P cho toàn bộ tài sản trộm cắp được vào túi quần bên phải đang

mặc rồi đi ra ngoài tiếp tục tìm nhà dân sở hữu để trộm cắp tài sản. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 26.750.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 08/7/2024, P đến nhà chị Phạm Thị O, thấy cửa khóa, không có ai ở nhà, P trèo qua tường, dùng cưa cắt khóa cửa chính rồi đi vào. Quan sát thấy ngăn tủ kệ tivi kê ở gian phòng khách khóa, P dùng đục phá khóa, lục tìm được một hộp giấy màu hồng bên trong có 01 chiếc lắc tay vàng, trị giá 15.000.000 đồng. P cầm chiếc lắc tay cho vào túi quần bên phải rồi trèo tường ra ngoài đi về. Trên đường về đến cầu T, P dùng xe vứt các công cụ gồm búa, đục và cưa xuống sông H rồi điều khiển xe mô tô về cửa hàng vàng bạc của ông Cao Ngọc P2 bán toàn bộ số vàng đã trộm cắp được, gồm 01 dây chuyền, 01 bên bông tai, 01 lắc tay đều bằng vàng được tổng số tiền 33.810.000 đồng, còn 01 bên bông tai P làm rơi trên đường không biết rơi ở đâu. Toàn bộ số tiền bán vàng và tiền trộm cắp được P đã chi tiêu cá nhân hết.

Bản cáo trạng số 138/CT-VKSHH ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Trịnh Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Văn P từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Trịnh Văn P phải bồi thường cho bà Lưu Thị U số tiền là 26.750.000 đồng; bồi thường cho chị Phạm Thị O số tiền là 15.000.000 đồng

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo không có ý kiến tranh luận và có lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của

Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản kết luận định giá tài sản. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 07 giờ 30 phút đến 08 giờ 30 phút ngày 08/7/2024, trên địa bàn huyện H, tỉnh Thái Bình, bị cáo Trịnh Văn P đã 02 lần trộm cắp tài sản. Cụ thể: Lần 1: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 08/7/2024, Trịnh Văn P vào nhà bà Lưu Thị Ứng P3 kết sắt trộm cắp 01 sợi dây chuyền vàng, trị giá 18.750.000 đồng, 01 đôi bông tai vàng, trị giá 7.500.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 26.750.000 đồng. Lần 2: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 08/7/2024, Trịnh Văn P vào nhà chị Phạm Thị O phá khóa ngăn tủ kệ tivi, trộm cắp 01 lắc tay vàng, trị giá 15.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản 02 lần trộm cắp là 41.750.000 đồng.

Bị cáo Trịnh Văn P đã có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” nên hành vi nêu trên của bị cáo Trịnh Văn P đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của

người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có nhân thân xấu và hiện đang có 02 tiền án nhưng bị cáo không nhận thức và cải tạo bản thân, đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thể hiện sự liều lĩnh và ý thức coi thường pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản của hai bị hại nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những căn cứ trên, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Lưu Thị Ư yêu cầu bị cáo Trịnh Văn P bồi thường 01 sợi dây chuyền vàng trị giá 18.750.000 đồng, 01 đôi bông tai vàng, trị giá 7.500.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng trị giá là 26.750.000 đồng. Chị Phạm Thị O yêu cầu bị cáo Trịnh Văn P phải bồi thường 01 lắc tay vàng trị giá 15.000.000 đồng. Cần buộc bị cáo phải bồi thường theo yêu cầu của bà Ư và chị O.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu sơn trắng và 01 biển số đăng ký 88H9-4081: Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu sơn trắng, có biển số đăng ký 90AB-115.18 là tài sản của anh Trịnh Văn B, sinh năm 2005 (con trai bị cáo P). Sau khi bị cáo thực hiện xong hành vi trộm cắp về, bị cáo đã tháo biển số đăng ký 90AB-115.18 ra khỏi chiếc xe và lắp biển số 88H9-4081 vào chiếc xe. Anh B hiện đang tham gia nghĩa vụ quân sự từ đầu năm 2024 nên để chiếc xe trên ở nhà, bị cáo P đã tự ý lấy chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản, vì vậy không có căn cứ xử lý đối với anh B là phù hợp. Anh B đề nghị xin được nhận lại chiếc xe, cần trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh B. Đối với biển số 88H9-4081, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô đăng ký biển số 88H9-4081 thuộc sở hữu của bị cáo nhưng bị cáo đã bán sát vụn chiếc xe mô tô còn để lại biển số 88H9-4081 và không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu huỷ biển số 88H9-4081.

+ 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu Honda, màu xám; 01 chiếc quần vải màu xám, túi quần phía trước bên phải bị rách; 01 chiếc búa bằng kim loại có cán bằng gỗ, chiều

dài 36cm; 01 lưỡi cưa sắt bằng kim loại, chiều dài 30cm; 02 đoạn song cửa gỗ có chiều dài 60cm, đường kính 03cm, hai đầu đã bị cắt; 01 cán dao bằng kim loại màu trắng bạc vàng, chiều dài 13 cm, rộng 03cm, dày 02cm đều đã qua sử dụng. Đây là công cụ, đồ vật bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản và không xin lại, xét thấy không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với ông Cao Ngọc P2 là người đã mua 01 dây chuyền, 01 bên bông tai vàng và 01 lắc tay vàng do bị cáo Trịnh Văn P trộm cắp. Quá trình điều tra xác định khi mua ông P2 không biết nguồn gốc số tài sản trên là do bị can P trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý ông P2 trong vụ án này.

Đối với hành vi hủy hoại kết sắt và cố ý làm hư hỏng ngăn tủ kệ ti vi của Trịnh Văn P, quá trình điều tra xác định trị giá các tài sản bị hủy hoại, hư hỏng dưới 2.000.000 đồng nên không cấu thành tội Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn P 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/7/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Trịnh Văn P phải bồi thường cho những người sau:

- Bồi thường cho bà Lưu Thị U số tiền là 26.750.000 đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bồi thường cho bà Phạm Thị O số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

+ Trả lại anh Trịnh Văn B 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu sơn trắng, đã qua sử dụng.

+ Tịch thu tiêu huỷ: 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu Honda, màu xám; 01 chiếc quần vải màu xám, túi quần phía trước bên phải bị rách; 01 chiếc búa bằng kim loại có cán bằng gỗ, chiều dài 36cm; 01 lưỡi cưa sắt bằng kim loại, chiều dài 30cm; 02 đoạn song cửa gỗ có chiều dài 60cm, đường kính 03cm, hai đầu đã bị cắt; 01 cán dao bằng kim loại màu trắng bạc vàng, chiều dài 13 cm, rộng 03cm, dày 02cm đều đã qua sử dụng và 01 biển số đăng ký 88H9-4081.

Vật chứng trên đang được chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện và chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình ngày 09/10/2024.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Bị cáo Trịnh Văn P phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 2.087.500 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an H.Hưng Hà;
- Cơ quan THAHS Công an H.Hưng Hà;
- Chi cục THADS H.Hưng Hà;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Người TGTT khác;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng